Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu

Học kỳ 1

Năm học 2024-2025

Thời khóa biểu lớp học 2 buổi

Có giá trị từ ngày 5/9/2024

Ngày	Tiết	10.2	10.3	10.4	10.5	10.6	10.7	10.8	10.9	10.1	10.10	10.11	10.12	11.1	11.2	11.3	11.4	11.5	11.6	11.7	11.8	11.9	12.1	12.2	12.3	12.4	12.5	12.6	12.7	12.8
Thứ 2	1	CHAOC O - Lương	CHAOC O - Văn	CHAOC O - Thúy	CHAOC O - Tuyến	CHAOC O - Đào	CHAOC O - Duy	CHAOC O - Ngân1	CHAOC O - Tuệ	CHAOC O - Tuyết	CHAOC O - Phương	CHAOC O - Kiều1	CHAOC O - Linh	CHAOC O - Duyên	CHAOC O - Trinh	CHAOC O - Thoa	CHAOC O - Nga	CHAOC O - Thuận	CHAOC O - Giang	CHAOC O - Hà	CHAOC O - Việt	CHAOC O - Ngọc	CHAOC O - Anh	CHAOC O - Hương1	CHAOC O - Phương1	CHAOC O - Linh1	CHAOC O - Hương	CHAOC O - Dung3	CHAOC O - Nguyệt	CHAOC O - Thương
	2	Sinh hoạt - Lương	Sinh hoạt - Văn	Sinh hoạt - Thúy	Sinh hoạt - Tuyến	Sinh hoạt - Đào	Sinh hoạt - Duy	Sinh hoạt - Ngân1	Sinh hoạt - Tuệ	Sinh hoạt - Tuyết	Sinh hoạt - Phương	Sinh hoạt - Kiều1	Sinh hoạt - Linh	Sinh hoạt - Duyên	Sinh hoạt - Trinh	Sinh hoạt - Thoa	Sinh hoạt - Nga	Sinh hoạt - Thuận	Sinh hoạt - Giang	Sinh hoạt - Hà	Sinh hoạt - Việt	Sinh hoạt - Ngọc	Sinh hoạt - Anh	Sinh hoạt - Hương1	Sinh hoạt - Phương1	Sinh hoạt - Linh1	Sinh hoạt - Hương	Sinh hoạt - Dung3	Sinh hoạt - Nguyệt	Sinh hoạt - Thương
	3	GDTC - Hiệp	HĐTN& HN - Ân	Văn - Thương	Ng.ngữ - Quỳnh	Văn - Duyên	Toán - Hà	Sử - Phương	TC6 - Nguyệt	NDGDC ĐP - Bảo	Văn - Ngân	Tin - Dung	Văn - Kiều	Ng.ngữ - Chi	Văn - Tuyến	HĐTN& HN - Thoa	TC3 - Oanh	TC1 - Thuận	Ng.ngữ - Trang	HĐTN& HN - Dũng	Ng.ngữ - Việt	Văn - Dung3	Sinh - Lan	Lí - Yến	Ng.ngữ - Liên	Hóa - Linh1	Sử - Tuyết	Sử - Triều	Toán - Phương1	C.nghệ - Thanh1
	4	Tin - Uyên	Ng.ngữ - Liên	Ng.ngữ - Quỳnh	NDGDC ĐP - Bảo	Sử - Phương	GDQP& AN - Nghiệp	Địa - Linh	HĐTN& HN - Hiếu	Toán - Phương1	Văn - Ngân	C.nghệ - Thanh1	Văn - Kiều	Lí - Yến	Ng.ngữ - Trang	Sử - Triều	Toán - Ân	HĐTN& HN - Văn	GDKT& PL - Toàn	TC1 - Hà	TC2 - Dung3	HĐTN& HN - Dũng	Ng.ngữ - Hạnh	Văn - Thương	GDTC - Nam	HĐTN& HN - Lạt	Sinh - Nga	GDTC - Hiệp	Hóa - Thúy	Toán - Anh
	5	Toán - Anh	Hóa - Thúy	GDTC - Nam	C.nghệ - Hà1	Ng.ngữ - Trang	HĐTN& HN - Văn	Toán - Hà	Ng.ngữ - Quỳnh	Văn - Hương	Sử - Phương	HĐTN& HN - Trường	GDQP& AN - Nghiệp	HĐTN& HN - Lạt	TC3 - Yến	TC1 - Thoa	TC1 - Ân	Toán - Thuận	TC1 - Tuệ	Ng.ngữ - Chi	Tin - Uyên	C.nghệ - Thanh1	Lí - Đào	HĐTN& HN - Hương1	Toán - Phương1	Sinh - Lan	GDQP& AN - Tuấn	Ng.ngữ - Việt	Ng.ngữ - Liên	GDTC - Hiệp
	1	TC1 - Phương1	TC1 - Anh	TC2 - Hiếu	TC2 - Thương	TC1 - Thoa	TC1 - Tuệ	TC2 - Duyên	TC1 - Hà	TC2 - Hương	TC2 - Ngân	TC1 - Ân	TC1 - Văn	GDTC - Dư			GDTC - Nam			GDTC - Hiệp			TC5- Lan	TC3 - Yến	TC5 - Nga	TC4 - Linh	TC4 - Trinh	TC6 - Ngọc	TC7 - Triều	TC8 - Kiều
	2	TC2 - Hương	TC2 - Ngân	TC1 - Văn	TC1 - Thoa	TC2 - Tuyến	TC2 - Duyên	TC1 - Hà	TC2 - Hiếu	TC1 - Tuệ	TC1 - Dũng	TC2 - Thương	TC2 - Kiều	GDTC - Dư			GDTC - Nam			GDTC - Hiệp			TC4 - Thuý	TC5 - Nga	TC3 - Yến	TC5 - Lan	TC3 - Đào	TC7 - Triều	TC8- Toàn	TC6 - Nguyệt
	3																						TC3 - Đào	TC4 - Trinh	TC4 - Duy	TC3 - Yến	TC5- Nga	TC8 - Toàn	TC6 - Nguyệt	TC7- Triều
	4																													
	5																													
Thứ 3	1	Ng.ngữ - Hạnh	Tin - Uyên	Văn - Thương	Văn - Tuyến	Văn - Duyên	Tin - Dung	Hóa - Duy	GDQP& AN - Nghiệp	Toán - Phương1	GDTC - Hiệp	Toán - Ân	HĐTN& HN - Trường	Ng.ngữ - Chi	Hóa - Trinh	Văn - Hiếu	Ng.ngữ - Trang	Hóa - Linh1	C.nghệ - Giang	GDKT& PL - Toàn	GDQP& AN - Tuấn	HĐTN& HN - Dũng	Tin - Trung	HĐTN& HN - Hương1	Lí - Yến	Văn - Hương	Toán - Thuận	Văn - Dung3	Văn - Kiều	Toán - Anh
	2	Toán - Anh	GDTC - Dư	Văn - Thương	Văn - Tuyến	Văn - Duyên	HĐTN& HN - Văn	Địa - Linh	C.nghệ - Thanh1	Ng.ngữ - Liên	Văn - Ngân	GDQP& AN - Nghiệp	NDGDC ĐP - Trường	Tin - Trung	Ng.ngữ - Trang	Văn - Hiếu	Toán - Ân	Toán - Thuận	GDKT& PL - Toàn	C.nghệ - Giang	HĐTN& HN - Dũng	Tin - Uyên	Hóa - Thúy	Lí - Yến	Toán - Phương1	Văn - Hương	HĐTN& HN - Trinh	Văn - Dung3	Văn - Kiều	NDGDC ĐP - Triều
	3	Sinh - Lương	Văn - Hiếu	HĐTN& HN - Ân	Tin - Uyên	Sử - Phương	Văn - Duyên	GDTC - Thanh	Văn - Hương	GDQP& AN - Nghiệp	C.nghệ - Thanh1	HĐTN& HN - Trường	Địa - Linh	Toán - Hương1	GDQP& AN - Tuấn	HĐTN& HN - Thoa	Văn - Tuyến	HĐTN& HN - Văn	Toán - Tuệ	HĐTN& HN - Dũng	Ng.ngữ - Việt	Ng.ngữ - Chi	HĐTN& HN - Kiều	Tin - Dung	Ng.ngữ - Liên	Ng.ngữ - Quỳnh	Toán - Thuận	HĐTN& HN - Lạt	HĐTN& HN - Phương1	GDKT& PL - Kiều1
	4	Hóa - Duy	Sinh - Lương	Toán - Thoa	Sinh - Lan	Tin - Uyên	Ng.ngữ - Quỳnh	Văn - Hiếu	Địa - Nguyệt	Toán - Phương1	HĐTN& HN - Trường	Ng.ngữ - Liên	Tin - Dung	GDQP& AN - Tuấn	HĐTN& HN - Lạt	Ng.ngữ - Việt	Toán - Ân	C.nghệ - Hà1	TC2 - Duyên	TC6 - Linh	GDKT& PL - Toàn	Toán - Dũng	Sử - Triều	GDTC - Dư	Tin - Trung	Toán - Thuận	Ng.ngữ - Hạnh	Toán - Hương1	C.nghệ - Thanh1	Ng.ngữ - Chi
	5	Văn - Ngân	NDGDC ĐP - Trường	NDGDC ĐP - Bảo	Văn - Tuyến	HĐTN& HN - Trang	Sử - Phương	Ng.ngữ - Hạnh	Ng.ngữ - Quỳnh	Lí - Oanh	Toán - Dũng	Toán - Ân	GDTC - Hiệp	HĐTN& HN - Lạt	Toán - Tuệ	Toán - Thoa	C.nghệ - Hà1	Ng.ngữ - Việt	Tin - Uyên	Ng.ngữ - Chi	C.nghệ - Thanh1	GDKT& PL - Toàn	GDTC - Dư	Toán - Hương1	Hóa - Duy	Toán - Thuận	GDTC - Nam	Sử - Triều	Ng.ngữ - Liên	Địa - Nguyệt
	1														GDTC - Dư			GDTC - Nam			GDTC - Hiệp									

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z	AA	AB	AC	AD	AE
25		2														GDTC - Dư			GDTC - Nam			GDTC - Hiệp									
26		3																													
27		4																													
28		5																													
29	Thứ 4	1	Sử - Tuyết	Văn - Hiếu	Sử - Phương	Toán - Thoa	Ng.ngữ - Trang	Toán - Hà	GDQP&AN - Nghiệp	Văn - Hương	GDTC - Nam	HĐTN&HN - Trường	Ng.ngữ - Liên	C.nghệ - Thanh1	Văn - Duyên	Lí - Yến	GDQP&AN - Tuấn	Văn - Tuyến	Ng.ngữ - Việt	Toán - Tuệ	NDGDĐP - Linh	HĐTN&HN - Dũng	Văn - Dung3	Ng.ngữ - Hạnh	Văn - Thương	HĐTN&HN - Duy	HĐTN&HN - Lạt	Toán - Thuận	GDKT&PL - Toàn	Sử - Triều	Toán - Anh
30		2	HĐTN&HN - Ân	GDQP&AN - Nghiệp	Tin - Uyên	Sử - Tuyết	Toán - Tuệ	Ng.ngữ - Quỳnh	Ng.ngữ - Hạnh	Văn - Hương	Ng.ngữ - Liên	Toán - Dũng	HĐTN&HN - Trường	Văn - Kiều	Văn - Duyên	Ng.ngữ - Trang	Toán - Thoa	Văn - Tuyến	NDGDĐP - Giang	TC6 - Linh	Văn - Hiếu	Toán - Thuận	Văn - Dung3	Tin - Trung	Văn - Thương	GDTC - Nam	Lí - Yến	Tin - Dung	HĐTN&HN - Lạt	Địa - Nguyệt	Ng.ngữ - Chi
31		3	Ng.ngữ - Hạnh	Toán - Văn	Toán - Thoa	GDTC - Dư	GDTC - Nam	TC6 - Nguyệt	Tin - Dung	Sử - Tuyết	Hóa - Thúy	GDQP&AN - Nghiệp	GDKT&PL - Kiều1	HĐTN&HN - Trường	Sinh - Lương	Toán - Tuệ	C.nghệ - Hà1	Ng.ngữ - Trang	Lí - Oanh	Tin - Uyên	Ng.ngữ - Chi	Toán - Thuận	HĐTN&HN - Dũng	Văn - Kiều	HĐTN&HN - Hương1	Lí - Yến	Ng.ngữ - Quỳnh	Hóa - Trinh	GDQP&AN - Tuấn	GDTC - Hiệp	HĐTN&HN - Lạt
32		4	GDTC - Hiệp	HĐTN&HN - Ân	Hóa - Thúy	GDQP&AN - Nghiệp	NDGDĐP - Bảo	Hóa - Duy	Toán - Hà	Tin - Dung	Sử - Tuyết	Địa - Nguyệt	Địa - Linh	GDKT&PL - Kiều1	Ng.ngữ - Chi	Toán - Tuệ	Hóa - Trinh	HĐTN&HN - Trường	Toán - Thuận	Ng.ngữ - Trang	GDQP&AN - Tuấn	Ng.ngữ - Việt	C.nghệ - Thanh1	Toán - Anh	GDTC - Dư	Ng.ngữ - Liên	NDGDĐP - Lạt	Sinh - Nga	Toán - Hương1	NDGDĐP - Toàn	Văn - Thương
33		5	Lí - Khoa	TC5 - Lương	Ng.ngữ - Quỳnh	Toán - Thoa	GDQP&AN - Nghiệp	Địa - Nguyệt	HĐTN&HN - Ngân1	HĐTN&HN - Hiếu	Tin - Uyên	Ng.ngữ - Liên	NDGDĐP - Trường	Ng.ngữ - Trang	Sử - Phương	Hóa - Trinh	Ng.ngữ - Việt	C.nghệ - Hà1	TC3 - Oanh	Địa - Linh	Toán - Hà	TC1 - Thuận	Ng.ngữ - Chi	HĐTN&HN - Kiều	Toán - Hương1	Sử - Tuyết	Tin - Trung	Văn - Hương	GDTC - Hiệp	Hóa - Thúy	C.nghệ - Thanh1
34		1															GDTC - Dư			GDTC - Nam			GDTC - Hiệp								
35		2															GDTC - Dư			GDTC - Nam			GDTC - Hiệp								
36		3																													
37		4																													
38		5																													
39	Thứ 5	1	Văn - Ngân	Ng.ngữ - Liên	Hóa - Thúy	HĐTN&HN - Ngân1	Tin - Uyên	Toán - Hà	Tin - Dung	Toán - Tuệ	Văn - Hương	GDKT&PL - Kiều1	Toán - Ân	Ng.ngữ - Trang	TC5 - Lương	HĐTN&HN - Lạt	Hóa - Trinh	Sinh - Nga	Văn - Tuyến	Văn - Duyên	Văn - Hiếu	HĐTN&HN - Dũng	Địa - Ngọc	GDQP&AN - Tuấn	Ng.ngữ - Chi	Văn - Dung3	Tin - Trung	Sử - Tuyết	Ng.ngữ - Việt	HĐTN&HN - Phương1	Văn - Thương
40		2	Văn - Ngân	Sinh - Lương	Sinh - Lan	Ng.ngữ - Quỳnh	Toán - Tuệ	Sử - Phương	NDGDĐP - Trường	GDKT&PL - Kiều1	Văn - Hương	Ng.ngữ - Liên	GDTC - Dư	Toán - Văn	NDGDĐP - Tuấn1	TC5 - Nga	Tin - Trung	Ng.ngữ - Trang	Văn - Tuyến	Văn - Duyên	Văn - Hiếu	Tin - Uyên	TC1 - Dũng	NDGDĐP - Triều	Hóa - Trinh	Văn - Dung3	Sử - Tuyết	Tin - Dung	HĐTN&HN - Lạt	GDKT&PL - Toàn	Văn - Thương
41		3	GDQP&AN - Nghiệp	Văn - Hiếu	HĐTN&HN - Ân	Tin - Uyên	HĐTN&HN - Trang	NDGDĐP - Bảo	Sử - Phương	GDTC - Dư	Sử - Tuyết	Toán - Dũng	Ng.ngữ - Liên	HĐTN&HN - Trường	Văn - Duyên	NDGDĐP - Linh	Sinh - Lương	TC5 - Nga	HĐTN&HN - Văn	HĐTN&HN - Giang	Toán - Hà	GDKT&PL - Toàn	NDGDĐP - Ngọc	Ng.ngữ - Hạnh	GDQP&AN - Tuấn	Hóa - Duy	Ng.ngữ - Quỳnh	Hóa - Trinh	Lí - Đào	C.nghệ - Thanh1	GDKT&PL - Kiều1
42		4	HĐTN&HN - Ân	C.nghệ - Giang	GDQP&AN - Nghiệp	Sử - Tuyết	GDTC - Nam	HĐTN&HN - Văn	Lí - Ngân1	NDGDĐP - Kiều1	HĐTN&HN - Oanh	NDGDĐP - Lạt	Văn - Thương	Sử - Phương	Toán - Hương1	Sinh - Nga	TC5 - Lương	HĐTN&HN - Trường	Tin - Uyên	GDQP&AN - Tuấn	Địa - Linh	Văn - Dung3	Toán - Dũng	Lí - Đào	NDGDĐP - Ngọc	NDGDĐP - Toàn	Sinh - Lan	Ng.ngữ - Hạnh	C.nghệ - Thanh1	Ng.ngữ - Liên	Sử - Triều
43		5	NDGDĐP - Bảo	HĐTN&HN - Ân	C.nghệ - Giang	Lí - Ngân1	Ng.ngữ - Trang	Ng.ngữ - Quỳnh	Ng.ngữ - Hạnh	HĐTN&HN - Hiếu	Tin - Uyên	TC6 - Nguyệt	TC8 - Kiều1	Địa - Linh	Tin - Trung	Sử - Phương	NDGDĐP - Trường	Lí - Oanh	Ng.ngữ - Việt	NDGDĐP - Tuấn1	Sử - Triều	Địa - Ngọc	Ng.ngữ - Chi	HĐTN&HN - Kiều	Toán - Hương1	HĐTN&HN - Duy	GDQP&AN - Tuấn	HĐTN&HN - Trinh	Văn - Dung3	Toán - Phương1	HĐTN&HN - Lạt
44		1																													
45		2																													
46		3																													
47		4																													
48		5																													
49		1	TC4 - Duy	GDTC - Dư	Sinh - Lan	C.nghệ - Hà1	Sinh - Lương	GDTC - Nam	HĐTN&HN - Ngân1	GDKT&PL - Kiều1	Lí - Oanh	GDTC - Hiệp	Tin - Dung	Sử - Phương	TC3 - Yến	TC4 - Trinh	Tin - Trung	Sử - Triều	Tin - Uyên	Địa - Linh	C.nghệ - Giang	Địa - Ngọc	GDKT&PL - Toàn	Hóa - Thúy	Sử - Tuyết	Sinh - Nga	Hóa - Linh1	Lí - Đào	C.nghệ - Thanh1	GDQP&AN - Tuấn	Địa - Nguyệt
50		2	Tin - Uyên	Hóa - Thúy	Sử - Phương	TC3 - Ngân1	Lí - Đào	Địa - Nguyệt	Hóa - Duy	C.nghệ - Thanh1	HĐTN&HN - Oanh	GDKT&PL - Kiều1	GDTC - Dư	Tin - Dung	Sinh - Lương	Lí - Yến	C.nghệ - Hà1	Tin - Trung	TC4 - Linh1	HĐTN&HN - Giang	Địa - Linh	NDGDĐP - Ngọc	GDQP&AN - Tuấn	Sử - Triều	Sinh - Nga	Sử - Tuyết	GDTC - Nam	HĐTN&HN - Trinh	GDKT&PL - Toàn	GDTC - Hiệp	Sinh - Lan
51		3	Sinh - Lương	C.nghệ - Giang	GDTC - Nam	HĐTN&HN - Ngân1	C.nghệ - Hà1	Lí - Khoa	TC6 - Linh	GDTC - Dư	Hóa - Thúy	C.nghệ - Thanh1	GDKT&PL - Kiều1	GDTC - Hiệp	Hóa - Linh1	Tin - Trung	TC4 - Trinh	Sinh - Nga	Lí - Oanh	Sử - Triều	Tin - Uyên	Sử - Phương	TC8 - Toàn	Sinh - Lan	Tin - Dung	HĐTN&HN - Duy	Lí - Yến	Lí - Đào	Địa - Ngọc	Địa - Nguyệt	GDQP&AN - Tuấn

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z	AA	AB	AC	AD	AE
52	**Thứ 6**	**4**	Hóa - Duy	Tin - Uyên	TC5 - Lan	Lí - Ngân1	TC3 - Đào	Lí - Khoa	GDTC - Thanh	Tin - Dung	TC4 - Thúy	Địa - Nguyệt	Địa - Linh	GDKT& PL - Kiều1	Lí - Yến	Sinh - Nga	Sinh - Lương	GDQP& AN - Tuấn	Hóa - Linh1	C.nghệ - Giang	GDKT& PL - Toàn	C.nghệ - Thanh1	Sử - Phương	GDTC - Dư	Hóa - Trinh	Tin - Trung	Sử - Tuyết	GDTC - Nam	NDGDC ĐP - Ngọc	Sử - Triều	GDTC - Hiệp
53		**5**	Lí - Khoa	Sử - Phương	Tin - Uyên	GDTC - Dư	Sinh - Lương	Hóa - Duy	Lí - Ngân1	Địa - Nguyệt	Sinh - Lan	Tin - Dung	Sử - Tuyết	TC8 - Kiều1																	
54		**1**																													
55		**2**																													
56		**3**																													
57		**4**																													
58		**5**																													
59		**1**	HĐTN& HN - Ân	Toán - Văn	C.nghệ - Giang	Sinh - Lan	C.nghệ - Hà1	Văn - Duyên	Văn - Hiếu	Ng.ngữ - Quỳnh	GDTC - Nam	Ng.ngữ - Liên	Văn - Thương	Ng.ngữ - Trang	Toán - Hương1	Văn - Tuyến	Toán - Thoa	Lí - Oanh	GDQP& AN - Tuấn	Toán - Tuệ	Tin - Uyên	Văn - Dung3	Toán - Dũng	Văn - Kiều	Sử - Tuyết	Sinh - Nga	HĐTN& HN - Lạt	Văn - Hương	Địa - Ngọc	Toán - Phương1	Ng.ngữ - Chi
60		**2**	Toán - Anh	Toán - Văn	HĐTN& HN - Ân	HĐTN& HN - Ngân1	Toán - Tuệ	Văn - Duyên	Văn - Hiếu	Sử - Tuyết	HĐTN& HN - Oanh	Tin - Dung	Văn - Thương	C.nghệ - Thanh1	HĐTN& HN - Lạt	Văn - Tuyến	HĐTN& HN - Thoa	NDGDC ĐP - Trường	C.nghệ - Hà1	HĐTN& HN - Giang	HĐTN& HN - Dũng	Văn - Dung3	Tin - Uyên	Văn - Kiều	Sinh - Nga	GDQP& AN - Tuấn	GDTC - Nam	Văn - Hương	Toán - Hương1	GDKT& PL - Toàn	Sử - Triều
61		**3**	Sử - Tuyết	Ng.ngữ - Liên	Ng.ngữ - Quỳnh	Toán - Thoa	Lí - Đào	GDTC - Nam	HĐTN& HN - Ngân1	Toán - Tuệ	Sinh - Lan	Sử - Phương	C.nghệ - Thanh1	Toán - Văn	Hóa - Linh1	Tin - Trung	Văn - Hiếu	HĐTN& HN - Trường	Văn - Tuyến	Ng.ngữ - Trang	Toán - Hà	TC8 - Toàn	Địa - Ngọc	Toán - Anh	Ng.ngữ - Chi	Văn - Dung3	Toán - Thuận	Ng.ngữ - Hạnh	Ng.ngữ - Việt	HĐTN& HN - Phương1	HĐTN& HN - Lạt
62	**Thứ 7**	**4**	Ng.ngữ - Hạnh	Sử - Phương	Toán - Thoa	Ng.ngữ - Quỳnh	HĐTN& HN - Trang	Tin - Dung	Toán - Hà	Toán - Tuệ	Ng.ngữ - Liên	HĐTN& HN - Trường	Sử - Tuyết	Toán - Văn	TC4 - Linh1	HĐTN& HN - Lạt	Ng.ngữ - Việt	Tin - Trung	Sử - Triều	Văn - Duyên	TC2 - Hiếu	Toán - Thuận	TC2 - Dung3	Toán - Anh	Ng.ngữ - Chi	Toán - Phương1	Văn - Hương	NDGDC ĐP - Ngọc	Lí - Đào	Văn - Kiều	Sinh - Lan
63		**5**																													
64		**1**																													
65		**2**																													
66		**3**																													
67		**4**																													
68		**5**																													
69																															